

**BÀI HỌC THI - ĐỒ VUI ĐỂ HỌC**  
**CẤP 2 (12 tuổi trở xuống)**

**1. Đánh vần**

- Bao gồm tất cả các vần và sẽ là chữ kép; như: gia đình, sức khỏe, trường học

- **Quy luật đánh vần: chỉ đọc tên chữ và dấu**

Thí dụ:

Hỏi: Em hãy đánh vần chữ “ông bà”.

Trả lời: Ông bà, ô en nề giê, ông; bê a huyền, bà, ông bà

**2. Gia đình**

a. Ông, bà, cụ ông (ông cố), cụ bà (bà cố), cha (ba, bố), mẹ (má), con, cháu, chắt, con ruột, con ghẻ, con nuôi, con dâu, con rể, con trưởng, con thứ, con út

b. Chú, bác, cậu, cô, dì, dượng (chồng của cô hay dì), mợ (vợ của cậu), thím (vợ của chú)

c. Anh cả (anh hai), anh rể, chị cả (chị hai), em út, chị dâu, em dâu, em rể, anh em họ

1. Chị của mẹ gọi là gì?

- (miền Bắc) Chị của mẹ gọi là bác.
- (miền Nam) Chị của mẹ gọi là dì.

2. Em gái của mẹ gọi là gì?

- Em gái của má gọi là dì.

3. Anh của mẹ gọi là gì?

- (miền Bắc) Anh của mẹ gọi là bác.
- (miền Nam) Anh của mẹ gọi là cậu.

4. Em trai của mẹ gọi là gì?

- Em trai của mẹ gọi là cậu.

5. Anh của ba gọi là gì?

- Anh của ba gọi là bác.

6. Chị của ba gọi là gì?

- (miền Bắc) Chị của ba gọi là bác.
- (miền Nam) Chị của ba gọi là cô.

7. Em trai của ba gọi là gì?

- Em trai của ba gọi là chú.

8. Em gái của ba gọi là gì?

- Em gái của ba gọi là cô.

9. Con ghẻ có nghĩa là gì?

- Con ghẻ là con riêng của chồng hay vợ.

10. Con nuôi là gì?

- Con nuôi là con do người khác đẻ ra và đem về nuôi.

11. Vợ của chú gọi là gì?

- Vợ của chú gọi là thím.

12. Chồng của cô gọi là gì?

- Chồng của cô gọi là dượng.

13. Vợ của cậu gọi là gì?

- Vợ của cậu gọi là mợ.

14. Chồng của dì gọi là gì?

- Chồng của dì gọi là dượng.

15. Anh hai là anh thứ mấy trong nhà?

- Anh hai là anh lớn nhất trong nhà.

16. Con trưởng là người con thứ mấy?

- Con trưởng là người con thứ nhất.

17. Người sinh ra ông bà gọi là gì?

- Người sinh ra ông bà gọi là ông bà cụ.

18. Con thứ là con thứ mấy trong gia đình?

- Con thứ là con sinh sau con trưởng và trước con út.

**3. Tết Nguyên Đán**

Phong tục: mừng tuổi (lì xì), đốt pháo, chúc Tết, hái lộc xuân, gói bánh chưng, mâm ngũ quả, thăm mộ tổ tiên, đón giao thừa, xông nhà (đắt), múa lân

Từ ngữ liên quan tới Tết: chúc mừng năm mới, vạn sự như ý, sống lâu trăm tuổi, an khang thịnh vượng, giao thừa, ông Táo, bà Táo, Tất Niên, Tân Niên, Mồng Một, Mồng Hai, Mồng Ba, cây nêu, thiệp chúc Tết, hoa mai, hoa đào, hoa cúc, hoa vạn thọ, cây quất, sớ táo quân

Món ăn ngày Tết:

- Mứt hạt sen, mứt dừa, mứt bí, mứt gừng, mứt măng cầu, mứt khoai lang, hạt dưa, kẹo đậu phộng, kẹo mè (vừng)
- Bánh chưng, bánh tét, xôi gấc, giò lụa (chả lụa), giò thủ, củ kiệu, dưa món, dưa hành, dưa giá, nem chua, mắm tôm chua, thịt kho trứng, Lạp Xưởng

Trang phục: áo dài, khăn đóng (còn gọi là khăn xếp)

19. Li xì có nghĩa là gì?

- Li xì có nghĩa là tặng tiền cho trẻ em ngày Tết.

20. Đi xông nhà ngày đầu năm có nghĩa là gì?

- Đi xông nhà ngày đầu năm có nghĩa là đến nhà người khác đầu tiên vào ngày Mồng Một Tết.

21. Người ta đón giao thừa vào lúc mấy giờ?

- Người ta đón giao thừa vào lúc 12 giờ đêm.

22. Hạt dưa ngày Tết là hạt của dưa gì?

- Hạt dưa ngày Tết là hạt dưa hấu.

23. Khi mặc áo dài thì người ta thường đội gì trên đầu cho đủ bộ?

- Khi mặc áo dài thì người ta thường đội khăn đóng trên đầu cho đủ bộ.

24. Hãy kể tên 2 món dưa muối ngày Tết

Nguyên Đán?

- 2 món dưa muối ngày Tết Nguyên Đán là củ kiệu và dưa hành.

25. Tiệc tất niên có nghĩa là gì?

- Tiệc tất niên có nghĩa là bữa tiệc đánh dấu hết một năm.

26. “Hái lộc xuân” ngày Tết có nghĩa là hái gì?

- Hái lộc xuân ngày Tết có nghĩa là hái cành cây non đem về nhà.

27. Ý nghĩa của “hái lộc xuân” là gì?

- Ý nghĩa của “hái lộc xuân” là xin lấy sự may mắn do Trời ban cho.

28. Loại đậu bên trong bánh tét là đậu gì?

- Loại đậu bên trong bánh tét là đậu xanh.

29. Nhân bánh chưng được làm bằng thịt gì?

- Nhân bánh chưng được làm bằng thịt heo.

30. Câu chúc Tết “sống lâu trăm tuổi” dùng để chúc ai?

- Câu chúc Tết “sống lâu trăm tuổi” dùng để chúc những người lớn tuổi.

31. Câu chúc Tết “vạn sự như ý” có nghĩa là gì?

- Câu chúc Tết “vạn sự như ý” có nghĩa là mọi chuyện được như ý muốn.

32. Thiệp dùng để chúc nhau trong dịp Tết gọi là gì?

- Thiệp dùng để chúc nhau trong dịp Tết gọi là thiệp chúc Tết.

#### 4. Màu sắc

Đen (đen tuyền), trắng (trắng trong, trắng đục), trắng ngà (màu mỡ gà, màu kem), đỏ (đỏ tươi, đỏ thắm, đỏ rượu chất), vàng (màu ka ki), xanh lá cây (xanh lục, xanh rêu), xanh dương (xanh lam, xanh da trời), tím (tím than, tím hoa cà), nâu, cam, hồng, xám (xám tro),

33. Màu đỏ rượu chất là màu thể nào?

- Màu đỏ rượu chất là màu đỏ đậm giống rượu chất (rượu chất là rượu nho đỏ).

34. Màu nâu lợt (nhạt) còn được gọi là gì?

- Màu nâu lợt còn được gọi là màu cà phê sữa.

35. Màu xanh lá cây đậm còn được gọi là gì?

- Màu xanh lá cây đậm còn được gọi là màu xanh rêu.
- 36. Màu tím đậm còn được gọi là gì?
  - Màu tím đậm còn được gọi là màu tím than.
- 37. Màu tím nhạt (nhạt) còn được gọi là gì?
  - Màu tím nhạt còn được gọi là màu tím hoa cà.
- 38. Màu trắng ngà còn được gọi là gì?
  - Màu trắng ngà còn được gọi là màu mỡ gà (hoặc màu kem)
- 39. Tại sao gọi là màu xám tro?
  - Vì màu giống tro củi.
- 40. Màu xanh lá cây còn được gọi là gì?
  - Màu xanh lá cây còn được gọi là màu xanh lục.
- 41. Đen tuyền có nghĩa là gì?
  - Đen tuyền có nghĩa là rất đen.
- 42. Màu trắng của nước gọi là gì?
  - Màu trắng của nước gọi là trắng trong.
- 43. Màu ka ki là màu thể nào?
  - Màu ka ki là màu vàng đậm.

## 5. Toán

Tính cộng, tính trừ, tính nhân, tính chia, chục, tá, trăm, triệu, tỷ, số chẵn, số lẻ, phân số ( $1/2$ ,  $1/3$ ,  $1/4$ ,  $2/3$ ,  $3/4$ ), rưỡi, nửa

Hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình lục giác, hình bát giác, hình bầu dục, hình thoi, hình tròn, hình thang, hình bình hành, hình nón, hình ống (tròn)

Cạnh, góc, góc vuông, chiều dài, chiều rộng, độ, bán kính, đường kính

- 44. Hình chữ nhật có mấy cạnh?
  - Hình chữ nhật có 4 cạnh.
- 45. Hình lục giác có mấy cạnh?
  - Hình lục giác có 6 cạnh.
- 46. Hình bát giác có mấy cạnh?
  - Hình bát giác có 8 cạnh.
- 47. Một tá trứng gà gồm có mấy trái trứng?
  - Một tá trứng gà gồm có 12 trái trứng.
- 48. Một trái cam có 12 múi cam,  $3/4$  trái cam là mấy múi?
  - $3/4$  trái cam là 9 múi.
- 49. Hình chữ nhật có mấy cạnh dài?
  - Hình chữ nhật có 2 cạnh dài.
- 50. Hình thoi có mấy góc?
  - Hình thoi có 4 góc.
- 51. Một phần hai ( $1/2$ ) còn được gọi thể nào?
  - Một phần hai còn được gọi là một nửa.
- 52. Một rưỡi có nghĩa là gì?
  - Một rưỡi có nghĩa là một và một nửa.
- 53. 10 chia cho 2 là mấy?
  - 10 chia cho 2 là 5.
- 54. 5 nhân với 2 là mấy?
  - 5 nhân với 2 là 10.
- 55. Góc 90 độ còn gọi là gì?
  - Góc 90 độ còn gọi là góc vuông.
- 56. Hình tam giác có mấy cạnh?
  - Hình tam giác có 3 cạnh.
- 57. Đường kính của hình tròn bằng mấy bán kính?
  - Đường kính của hình tròn bằng hai bán kính.

## 6. Trái cây

Chanh, cam, bưởi, quýt, dưa hấu, táo, nho, chuối, lê, bơ, sơ ri (*cherry*), nhãn, vải, khóm (dứa, thơm), mít, sầu riêng, xoài, mận (*plum*), ổi, chôm chôm, cóc, hồng giòn, hồng mềm, khế, cau, dừa, măng cụt, lựu, chà là, thanh long, dưa gang, trái điều (*cho ra hạt điều*)

Phần của trái cây: nải, buồng, chùm, hạt, lõi, xơ, mắt, múi, gai (vỏ mít), cùi dừa (cơm dừa), cuống

58. Trái chanh và trái cam có cùng vị gì?  
 - Trái chanh và trái cam có cùng vị chua.
59. Hãy kể tên 2 loại trái cây mọc từng chùm.  
 - Hai loại trái cây mọc từng chùm là nho và nhãn (vải, chôm chôm, khế).
60. Trái cây nào có mắt ở ngoài vỏ?  
 - Trái khóm có mắt ở ngoài vỏ.
61. Hãy kể tên 2 thứ trái cây mọc thành từng buồng.  
 - 2 thứ trái cây mọc thành từng buồng là chuối và dứa (hay cau).
62. Những vật nhọn ngoài vỏ trái sầu riêng gọi là gì?  
 - Những vật nhọn ngoài vỏ trái sầu riêng gọi là gai.
63. Phần màu trắng bên trong trái dứa gọi là gì?  
 - Phần màu trắng bên trong trái dứa gọi là cùi dứa (hay cơm dứa).
64. Trái chôm chôm có mấy hạt?  
 - Trái chôm chôm có một hạt.
65. Trái cây gì có lõi?  
 - Trái khóm (dứa, thơm) có lõi.
66. Hãy kể một thứ trái cây có xơ?  
 - Một thứ trái cây có xơ là mít (hay xoài).
67. Hãy kể tên 2 loại trái cây có vị chua?  
 - 2 loại trái cây có vị chua là chanh, khế (xoài, cam, nho...).
68. Hãy kể tên 2 loại trái cây **chỉ** có vị ngọt?  
 - 2 loại trái cây chỉ có vị ngọt là dưa hấu, mít (sầu riêng, chuối, nhãn, dứa).
69. Ta dùng chữ **nải** cho trái cây gì?  
 - Ta dùng chữ nải cho chuối (nải chuối)
70. Hãy kể tên 2 thứ trái cây phải bóc vỏ trước khi ăn?  
 - 2 thứ trái cây phải bóc vỏ trước khi ăn là chuối, cam (bưởi, nhãn, vải, chôm chôm).
71. Hãy kể tên 3 thứ trái cây có múi?  
 - 3 thứ trái cây có múi là cam, chanh, bưởi.
72. Một thứ trái cây được trồng để lấy hạt là trái gì?  
 - Một thứ trái cây được trồng để lấy hạt là trái điều.

## 7. Thức ăn

Thịt, cá: thịt bò, thịt heo, thịt gà, thịt dê, thịt cừu, cá đồng (cá nước ngọt), cá rô, cá trê, các lóc, cá bông lau, cá biển (cá nước mặn), cá thu, cá nục, cá cơm, cá mực, lươn, tôm, cua, ốc, sò

Rau, trái, củ: bắp cải, cà rốt, rau muống, rau đay, rau mồng tơi, rau lang, rau xà lách, rau dền, cải xanh, cải ngọt, giá, bí đao, bí ngô, bầu, mướp, khổ qua, dưa leo, cà chua, cà ghém, cà tím, củ cải trắng, khoai tây, khoai lang, khoai mì, khoai môn, ngò, hành lá, hành ta (*loại củ*) (*shallot*), hành tây, tỏi, gừng, xả

Món ăn: phở tái, phở chín, phở gà, bún mọc, bún riêu, bún bò Huế, bún thịt nướng, canh (rau đay, rau mồng tơi, bí, bầu), canh chua cá bông lau, rau xào (rau muống xào thịt bò, giá xào mực, đậu que xào thịt bò), rau luộc (rau muống, rau lang, rau mồng tơi, cải xanh), cá kho tộ (*kho tộ là kho với nước dứa và thường dùng với cá bông lau hay cá lóc*), cá rô kho tiêu, thịt (heo) kho trứng, thịt gà kho gừng, tôm kho, tôm càng kho, đậu hũ chiên, mì xào, cơm chiên, chả giò, gỏi cuốn, giò lụa (*chả lụa*), xôi gấc, xôi đậu đen, xôi vò, xôi đậu phộng, xôi đậu xanh, nước mía, nước sinh tố, nước rau má, nước cam, nước ngọt (soda), sữa đậu nành, sữa bò, chè (chè đậu xanh, chè chuối, chè trôi nước, chè đậu đen, chè ba màu, chè đậu đỏ, chè đậu ván, chè khoai môn, chè bắp, chè bà ba)

73. Hãy kể tên một món bún nấu với cua.  
 - Tên một món bún nấu với cua là bún riêu.

74. Kể tên 2 thứ rau dùng để nấu canh?  
 - 2 thứ rau dùng để nấu canh là rau đay, rau mồng tơi (hay rau muống, bắp cải).

75. Giá sống được làm từ đậu gì?  
- Giá sống được làm từ đậu xanh (hay đậu nành).
76. Rau xà lách thường được ăn thế nào?  
- Rau xà lách thường được ăn sống.
77. Phở nấu với thịt gà gọi là gì?  
- Phở nấu với thịt gà gọi là phở gà.
78. Thịt trong tô phở tái là thịt gì?  
- Thịt trong tô phở tái là thịt bò.
79. Kể tên một thứ bún có vị cay.  
- Tên một thứ bún có vị cay là bún bò Huế.
80. Tại sao canh chua cá có vị chua?  
- Canh chua cá có vị chua vì có chanh (hay me, cà chua).
81. Chả giò thường được làm bằng thịt gì?  
- Chả giò thường được làm bằng thịt heo.
82. Tỏi có vị gì?  
- Tỏi có vị cay.
83. Nước rau má màu gì?  
- Nước rau má màu xanh lá cây.
84. Cá sống ở nước ngọt gọi là gì?  
- Cá sống ở nước ngọt gọi là cá đồng (hay cá sông)
85. Cá biển sống ở đâu?  
- Cá biển sống ở biển.
86. Xôi gấc màu gì?  
- Xôi gấc màu đỏ.
87. Gừng có vị gì?  
- Gừng có vị cay.
88. Kể tên 2 loại rau trái dùng để nấu canh?  
- 2 loại rau trái dùng để nấu canh là bầu và bí (khổ qua, mướp).
89. Đậu hũ được làm từ đậu gì?  
- Đậu hũ được làm từ đậu nành.
90. Chè đậu xanh màu gì?  
- Chè đậu xanh màu vàng.

## 8. Thân thể

- Mắt, tròng đen, tròng trắng, con ngươi, nước mắt, lông mày, lông mi (lông nheo), mí mắt, mắt lé
  - Mũi, sống mũi (sóng mũi), lỗ mũi, mũi cao, mũi tẹt, mũi lõ
  - Miệng, môi, môi trên, môi dưới, răng, hàm răng trên, hàm răng dưới, răng cửa, răng nanh, răng hàm, lợi (nướu răng), lưỡi, sún (răng), (răng) móm, (răng) hô
  - Trán, thái dương (màng tang), tóc, đầu, tai, vành tai, lỗ tai, má, gò má, cằm, râu mép, râu quai nón
  - Cổ, gáy, ngực, vai, lưng, eo, bụng, hông, rốn, cánh tay, cổ tay, khuỷu tay (cùi chỏ), chân, cổ chân, đùi, đầu gối, ống quyển (chân)
  - Bàn tay, lòng bàn tay, ngón tay (cái, trỏ, giữa, áp út, út), chỉ tay, móng tay, chân, bàn chân, ngón chân, mắt cá chân, móng chân
91. Thái dương còn có tên là gì?  
- Thái dương còn có tên là màng tang.
92. Người ta có mấy hàm răng?  
- Người ta có hai hàm răng.
93. Phần đóng mở của mắt gọi là gì?  
- Phần đóng mở của mắt gọi là mí mắt.
94. Lông mi nằm ở đâu?  
- Lông mi nằm ở mí mắt.
95. Râu quai nón là râu thể nào?  
- Râu quai nón là râu mọc ở cằm và lên tới hai mang tai.
96. Gáy nằm ở đâu?  
- Gáy nằm ở phía sau cổ.
97. Ngón tay nhỏ nhất tên là gì?  
- Ngón tay nhỏ nhất tên là ngón (tay) út.
98. Người ta thường dùng ngón tay nào để chỉ đường?  
- Người ta thường dùng ngón tay trỏ để chỉ đường.

99. Cùi chỏ còn có tên là gì?  
 - Cùi chỏ còn có tên là khuỷu tay.
100. Chỉ tay nằm ở đâu?  
 - Chỉ tay nằm ở lòng bàn tay.
101. Mỗi người có mấy mắt cá chân?  
 - Mỗi người có 4 mắt cá chân.
102. Răng dài hai bên miệng con chó là răng gì?  
 - Răng dài hai bên miệng con chó là răng nanh.
103. Răng mọc ở phía trước miệng gọi là gì?  
 - Răng mọc ở phía trước miệng gọi là răng cửa.
104. Kể một chỗ trên mặt có râu thường mọc?  
 - Một chỗ trên mặt có râu thường mọc là cằm (*hay mép*).
105. Phần kể bên trên đầu gối gọi là gì?  
 - Phần kể bên trên đầu gối gọi là đùi.
106. Mũi tẹt là mũi thể nào?  
 - Mũi tẹt là mũi có sống (*sống*) mũi thấp.
107. Ngón tay nằm kế ngón tay út gọi là gì?  
 - Ngón tay nằm kế ngón tay út gọi là ngón áp út.
108. Nước từ mắt chảy ra khi người ta khóc gọi là gì?  
 - Nước từ mắt chảy ra khi người ta khóc gọi là nước mắt.

## 9. Động vật

- Chó, mèo, chuột, gà, gà tây, vịt, ngỗng, ngựa, lừa, heo (lợn), thỏ, dê, cừu (sheep), bò, bê, trâu, nghé
  - Cọp (hổ), sư tử, voi, tê giác (rhinoceros), trâu rừng, bò rừng, heo rừng, nai, ngựa vằn, hươu cao cổ, chó sói, chó rừng, mèo rừng, thỏ rừng, gấu, khỉ, rắn, trăn (python), hà mã (hippo)
  - Giun, dế, muỗi, kiến, kiến chúa, giòi, ruồi, ong (bee), tò vò (wasp), bướm, sâu, gián, nhện, cào cào (grasshopper), chuồn chuồn, ve (cicada), mối, bọ cạp, rết, ốc, sên
  - Chim: chim sẻ, chim bồ câu, chim cu, chim én, diều hâu, sáo, quạ, cú, kền kền (vulture), di
  - Cá voi, cá heo, cá mập, cá sấu, cá hồi (salmon), cá nục (mackerel), cá thu (king mackerel), cá cơm (anchovy), cá mòi (sardine), cá lóc, cá trê, cá rô, cá chép, cóc, ếch
  - Sứa, gặm, hí, rỗng, tru, gáy
  - Phi, phóng, chồm, bò, lượn, vỗ
  - Sừng, bờm, vảy, vây, mang, cánh, vòi, mào, mỏ, mõm
  - Trống, mái: dùng cho các loại gà hay chim.
  - Đực, cái: dùng cho các loài động vật khác như: chó, mèo, bò, trâu, cá, rắn...
109. Con chó làm gì khi thấy người lạ?  
 - Con chó sủa khi thấy người lạ.
110. Gà trống thường làm gì vào buổi sáng?  
 - Gà trống thường gáy vào buổi sáng.
111. Tiếng kêu lớn của con cọp gọi là gì?  
 - Tiếng kêu lớn của con cọp gọi là cọp gặm.
112. Tiếng kêu lớn của ngựa gọi là gì?  
 - Tiếng kêu lớn của ngựa gọi là ngựa hí.
113. Mào của con gà nằm ở đâu?  
 - Mào của con gà nằm ở trên đầu con gà.
114. Bờm của con ngựa nằm ở đâu?  
 - Bờm của con ngựa nằm ở trên gáy.
115. Ngựa chạy nhanh gọi là gì?  
 - Ngựa chạy nhanh gọi là ngựa phi.
116. Hãy kể tên 2 con vật có sừng?  
 - Hai con vật có sừng là trâu, bò.
117. Con cá lớn nhất ở biển là cá gì?  
 - Con cá lớn nhất ở biển là cá voi.
118. Miệng của con chó gọi là gì?  
 - Miệng của con chó gọi là mõm chó.
119. Con cá thở bằng bộ phận gì?  
 - Con cá thở bằng mang.
120. Mật ong lấy ở đâu ra?

- Mật ong do con ong làm ra.
- 121. Cá mập sống ở đâu?
  - Cá mập sống ở biển.
- 122. Con kiến đẻ trứng gọi là gì?
  - Con kiến đẻ trứng gọi là kiến chúa.
- 123. Tiếng kêu lớn của con dế gọi là gì?
  - Tiếng kêu lớn của con dế gọi là (dế) gáy.
- 124. Con chim làm tổ để làm gì?
  - Con chim làm tổ để đẻ trứng và nuôi con.

## 10. Thiên nhiên

- Trái đất, lòng đất, mặt trời, mặt trăng, hành tinh, vệ tinh, (ngôi) sao, sao chổi, trăng tròn, trăng khuyết, trăng rằm, đêm ba mươi
  - Mưa, mưa đá, mưa rào, mưa phùn, lụt (ngập lụt, lũ lụt, lụt lội), lốc xoáy, gió, bão, mây, nắng, tuyết, sấm, sét (chớp), sương mù, động đất, sóng thần, hạn hán
  - Nóng, lạnh, ẩm, khô
  - Rừng, ao, hồ, biển, đồi, núi, núi lửa, dãy núi (rặng núi), eo biển, đảo, bán đảo, sông, suối, thác, cao nguyên, đồng bằng, thung lũng, hang động
- 125. Nắng do đâu mà có?
    - Nắng do mặt trời mà có.
  - 126. Bầu trời có gì khi sắp mưa?
    - Bầu trời có nhiều mây khi sắp mưa.
  - 127. Tia sáng trên bầu trời khi mưa gọi là gì?
    - Tia sáng trên bầu trời khi mưa gọi là tia sét (*hay chớp*).
  - 128. Không khí ẩm là không khí thể nào?
    - Không khí ẩm là không khí có nhiều hơi nước.
  - 129. Mặt trăng đêm ba mươi thể nào?
    - Đêm ba mươi không có trăng.
  - 130. Mưa đá là mưa thể nào?
    - Mưa đá là mưa với những hạt nước đá.
  - 131. Hãy kể 2 chuyện xảy ra khi có bão?
    - Khi có bão thì có gió, mưa (*sấm, sét*).
  - 132. Mặt trăng ngày rằm hình gì?
    - Mặt trăng ngày rằm hình tròn.
  - 133. Cây gì sống ở trên núi lửa?
    - Không có cây gì sống ở trên núi lửa.
  - 134. Thung lũng là gì?
    - Thung lũng là vùng đất trũng giữa hai sườn núi.
  - 135. Cao nguyên là gì?
    - Cao nguyên là vùng đất cao giữa núi và đồng bằng.
  - 136. Nhiều ngọn núi đứng liền nhau gọi là gì?
    - Nhiều ngọn núi đứng liền nhau gọi là dãy núi.
  - 137. Mặt trăng không tròn được gọi là gì?
    - Mặt trăng không tròn được gọi là trăng khuyết.
  - 138. Mưa với những hạt nước lớn gọi là gì?
    - Mưa với những hạt nước lớn gọi là mưa rào.

## 11. Cơ sở

Thư viện, bệnh viện (nhà thương), rạp hát (*theater*), rạp chiếu bóng (*movie theater*) (rạp xi nê), viện bảo tàng, bưu điện, nhà thờ (thánh đường), vương cung thánh đường (*cathedral*), thánh địa (*holy site, mecca*), chùa, phi trường (sân bay), nhà ga, bến xe đò, bến tàu (hải cảng), tòa đô chính (*city hall*), tòa án, nhà tù, sở cảnh sát, viện dưỡng lão (*nursing home*), trung tâm thương mại (*shopping center*), chợ (*market*), chợ trời (*flea market*), siêu thị (*supermarket*), nghĩa trang (nghĩa địa), trường trung học, trường tiểu học, đại học, sân vận động (*stadium*), công viên, văn phòng (bác sĩ, địa ốc, bán bảo hiểm...), tiệm (sách, tạp hóa, ăn, vàng, hoa, sửa xe), nhà (sách, may, quần)

139. Em đi đâu để mượn sách?  
- Em đi thư viện để mượn sách.
140. Nơi có nhiều máy bay lên xuống gọi là gì?  
- Nơi có nhiều máy bay lên xuống gọi là phi trường.
141. Em đi coi phim ở đâu?  
- Em đi coi phim ở rạp xi nê.
142. Trẻ em 9 tuổi học ở trường gì?  
- Trẻ em 9 tuổi học ở trường tiểu học.
143. Người chết thường được chôn ở đâu?  
- Người chết thường được chôn ở nghĩa trang.
144. Chợ trời là chợ thể nào?  
- Chợ trời là chợ tụ họp ở ngoài trời.
145. Siêu thị là gì?  
- Siêu thị là nơi bán thức ăn và đồ dùng trong nhà.
146. Các trận đấu bóng đá xảy ra ở đâu?  
- Các trận đấu bóng đá xảy ra ở sân vận động.
147. Nơi trưng bày cổ vật gọi là gì?  
- Nơi trưng bày cổ vật gọi là viện bảo tàng.
148. Nơi người lớn tuổi dưỡng bệnh (*to convalesce*) gọi là gì?  
- Nơi người lớn tuổi dưỡng bệnh gọi là viện dưỡng lão.
149. Tòa đô chính là gì?  
- Tòa đô chính là nơi nhân viên thành phố làm việc.
150. Sau khi học xong trung học, em sẽ học tiếp ở đâu?  
- Sau khi học xong trung học, em sẽ học tiếp ở đại học.
151. Nhà tù dùng để làm gì?  
- Nhà tù dùng để giam giữ tội phạm.
152. Nơi có nhiều tiệm bán hàng gọi là gì?  
- Nơi có nhiều tiệm bán hàng gọi là trung tâm thương mại.
153. Nơi xe lửa dừng lại để đón khách gọi là gì?  
- Nơi xe lửa dừng lại đón khách gọi là nhà ga.

## 12. Nghề nghiệp

- Bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, họa sĩ, nghệ sĩ (chỉ chung tất cả những người trong lãnh vực sáng tác nghệ thuật như: họa sĩ, kịch sĩ, ca sĩ, nhạc sĩ...), linh mục, giám mục, giáo hoàng, nhà sư, bà xơ (sơ), ni cô, kỹ sư, kỹ thuật viên (*technician*), luật sư, kiến trúc sư, giám đốc, ký giả (phóng viên, nhà báo), thương gia (nhà buôn), y tá, cảnh sát, nhân viên địa ốc (*real estate agent*), nhà quản lý (*manager*), nghề chài lưới
- Thợ mộc, thợ nề (thợ hồ), thợ sơn, thợ sửa xe, thợ máy, thợ điện, thợ điện lạnh (*refrigeration technician*), thợ ống nước (*plumber*), thợ sửa nhà (*handyman*), thợ săn, thợ rèn (*blacksmith*), ngư phủ, nông dân, nội trợ, tài xế, đầu bếp (*chef*), thư ký
154. Việc làm của bác sĩ là gì?  
- Việc làm của bác sĩ là chữa bệnh.
155. Ai là người nhổ răng cho em?  
- Nha sĩ là người nhổ răng cho em.
156. Người lái xe gọi là gì?  
- Người lái xe gọi là tài xế.
157. Người trồng lúa gọi là gì?  
- Người trồng lúa gọi là nông dân.
158. Người xây tường gọi là gì?  
- Người xây tường gọi là thợ nề.
159. Người đóng bàn ghế gọi là gì?  
- Người đóng bàn ghế gọi là thợ mộc.
160. Người vẽ tranh gọi là gì?  
- Người vẽ tranh gọi là họa sĩ.
161. Thợ gì làm con dao?  
- Thợ rèn làm con dao.
162. Người chỉ ở nhà làm việc nhà gọi là gì?  
- Người chỉ ở nhà làm việc nhà gọi là nội trợ.
163. Ông linh mục theo đạo nào?



- Ông linh mục theo đạo Công giáo.
164. Khi nhà bị cúp điện, người ta cần thợ gì để sửa điện?
- Khi nhà bị cúp điện, người ta cần thợ điện để sửa điện.
165. Người đi lấy tin tức cho đài ti vi gọi là gì?
- Người đi lấy tin tức cho đài ti vi gọi là phóng viên.
166. Người nấu ăn ở nhà hàng gọi là gì?

- Người nấu ăn ở nhà hàng gọi là đầu bếp.
167. Người thợ sửa chữa máy móc gọi là gì?
- Người thợ sửa chữa máy móc gọi là thợ máy.
168. Công việc của người quản lý nhà hàng là gì?
- Công việc của người quản lý nhà hàng là coi sóc nhân viên nhà hàng.

### 13. Đồng nghĩa

chăm chỉ/siêng năng  
nhộn nhịp/tấp nập  
cẩn thận/kỹ lưỡng  
thật thà/chân thành  
chấp thuận/đồng ý  
hiền hành/nhân từ  
bảo vệ/che chở  
coi chừng/đề phòng

bổn phận/nhiệm vụ  
quan sát/ theo dõi  
tốt nghiệp/ra trường  
máy bay/phi cơ  
nhà thờ/thánh đường  
bệnh viện/ nhà thương  
phúc âm/tin mừng  
ti vi/máy truyền hình

169. Đồng nghĩa với **siêng năng** là gì?
- Đồng nghĩa với **siêng năng** là **chăm chỉ**.
170. Đồng nghĩa với **cẩn thận** là gì?
- Đồng nghĩa với **cẩn thận** là **kỹ lưỡng**.
171. Đồng nghĩa với **bảo vệ** là gì?
- Đồng nghĩa với **bảo vệ** là **che chở**.
172. Đồng nghĩa với **coi chừng** là gì?

- Đồng nghĩa với **coi chừng** là **đề phòng**.
173. Đồng nghĩa với **bổn phận** là gì?
- Đồng nghĩa với **bổn phận** là **nhiệm vụ**.
174. Đồng nghĩa với **quan sát** là gì?
- Đồng nghĩa với **quan sát** là **theo dõi**.
175. Đồng nghĩa với **máy bay** là gì?
- Đồng nghĩa với **máy bay** là **phi cơ**.

### 14. Phản nghĩa

chăm chỉ/lười biếng  
cẩn thận/cẩu thả  
nhanh nhẹn/chậm chạp  
nóng nực/lạnh lẽo  
đông đúc/thưa thớt  
sạch sẽ/dơ dáy  
vạm vỡ/ôm yếu (gầy gò)  
im lặng/ồn ào

vui vẻ/buồn bã  
thiên đàng/hỏa ngục  
công bằng/bất công  
ngay thẳng/gian dối  
thông minh/ngu dốt  
thành công/thất bại  
trung thành/phản bội  
ngoại quốc/nội địa

176. Phản nghĩa với **cẩn thận** là gì?

- Phản nghĩa với **cẩn thận** là **cẩu thả**.

177. Phản nghĩa với **nhanh nhẹn** là gì?

- Phản nghĩa với **nhanh nhẹn** là **chậm chạp**.

178. Phản nghĩa với **lạnh lẽo** là gì?

- Phản nghĩa với **lạnh lẽo** là **nóng nực**.

179. Phản nghĩa với **ồn ào** là gì?

- Phản nghĩa với **ồn ào** là **im lặng**.

180. Phản nghĩa với **vui vẻ** là gì?

- Phản nghĩa với **vui vẻ** là **buồn bã**.

181. Phản nghĩa với **thiên đàng** là gì?

- Phản nghĩa với **thiên đàng** là **hỏa ngục**.

182. Phản nghĩa với **trung thành** là gì?

- Phản nghĩa với **trung thành** là **phản bội**.

## 15. Truyện cổ tích

### a. Sự tích Con Rồng Cháu Tiên

Theo tục truyền, Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ sinh ra một bọc có 100 trứng, và nở ra 100 người con. Lạc Long Quân là giống Rồng nên phải trở về biển và đem theo 50 con. Âu Cơ là giống Tiên nên phải đi lên núi và đem theo 50 con.

Trước khi đi, Lạc Long Quân phong người con trưởng làm vua nước ta, tức là Vua Hùng Vương Thứ Nhất, đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu và truyền được 18 đời.

Qua sự tích này, người Việt thường tự hào là Con Rồng Cháu Tiên và hàng năm lấy ngày 10 tháng 3 âm lịch làm ngày Giỗ Tổ Hùng Vương.

183. Bà Âu Cơ đẻ ra bao nhiêu trứng?

- Bà Âu Cơ đẻ ra 100 trứng.

184. Tại sao bà Âu Cơ phải trở về núi?

- Vì bà Âu Cơ là giống Tiên.

185. Vua Hùng Vương đầu tiên là ai?

- Vua Hùng Vương đầu tiên là con trưởng của Lạc Long Quân và Âu Cơ.

186. Lịch sử nước ta có bao nhiêu đời vua Hùng Vương?

- Lịch sử nước ta có 18 đời vua Hùng Vương.

187. Ngày giỗ tổ Hùng Vương là ngày nào?

- Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương là ngày 10 tháng 3 âm lịch.

188. Âu Cơ đem 50 con đi đâu?

- Âu Cơ đem 50 con lên núi.

189. Lạc Long Quân đem 50 con đi đâu?

- Lạc Long Quân đem 50 con đi xuống biển.

### b. Sự tích Bánh Dầy Bánh Chưng

Vào dịp đầu Xuân, Vua Hùng Vương Thứ Sáu họp các con lại bảo rằng:

- Người nào tìm được món ăn ngon và lạ để cúng tổ tiên thì ta sẽ truyền ngôi cho.

Các người con đua nhau đi tìm của ngon vật lạ. Riêng người con út, tên là Tiết Liêu, tính tình thật thà không biết làm gì. Một hôm Tiết Liêu nằm mộng thấy một vị thần hiện ra và bảo:

- Con hãy lấy gạo nếp làm một cái bánh hình tròn, tượng trưng cho Trời, gọi là bánh dầy, và một cái bánh hình vuông, tượng trưng cho Đất, gọi là bánh chưng. Hãy đem những chiếc bánh này dâng cúng tổ tiên để ví công lao tổ tiên to lớn như Trời và Đất.

Sau đó, Tiết Liêu đem bánh dâng Vua Cha và kể lại câu chuyện. Vua ăn bánh thấy thơm ngon bèn truyền ngôi cho Tiết Liêu. Từ đó dân ta có tục lệ làm bánh dầy, bánh chưng để cúng Tổ Tiên trong dịp Tết.

190. Vua Hùng Vương Thứ Sáu họp các con lại vào dịp nào?

- Vua Hùng Vương Thứ 6 họp các con lại vào dịp đầu Xuân.

191. Vua Hùng Vương Thứ Sáu sai các con làm gì?

- Vua Hùng Vương Thứ Sáu sai các con đi tìm món ăn ngon và lạ để cúng tổ tiên.

192. Bánh chưng hình gì và tượng trưng cho cái gì?

- Bánh chưng hình vuông và tượng trưng cho Đất.

193. Bánh dầy hình gì và tượng trưng cho gì?

- Bánh dầy hình tròn và tượng trưng cho Trời.

194. Dân ta dùng bánh dầy và bánh chưng để làm gì?

- Dân ta dùng bánh dầy và bánh chưng để cúng Tổ Tiên vào ngày Tết.

195. Tại sao dân ta dùng bánh dầy và bánh chưng để cúng Tổ Tiên?

- Để ví công lao Tổ Tiên to lớn như Trời và Đất.

196. Vua Cha làm gì sau khi ăn bánh của Tiết Liêu?

- Vua Cha truyền ngôi cho Tiết Liêu sau khi ăn bánh.

### **c. Sự tích Quả Dưa Hấu**

An Tiêm là con nuôi của Vua Hùng Vương Thứ 18. An Tiêm kiêu căng cho rằng tự sức mình tài giỏi gây dựng sự nghiệp chứ không phải nhờ Vua Cha. Thấy An Tiêm kiêu ngạo, Vua Cha liền đày An Tiêm ra hoang đảo.

Một ngày nọ, có một con chim bay qua làm rớt một hạt giống. Ít lâu sau, hạt giống mọc lên thành cây bô trên mặt đất và sinh trái to. An Tiêm bỏ ra ăn thử thì thấy ruột màu đỏ có nhiều nước và ngọt. An Tiêm bèn đem hột gieo khắp nơi trên đảo.

Một ngày kia, có một chiếc thuyền buôn đi ngang. An Tiêm cho họ ăn thử dưa hấu và nhờ đem về biểu Vua Cha.

Vua Cha ăn thấy ngon và biết An Tiêm có lòng hiếu thảo nên cho phép về ở bên cạnh Nhà Vua.

197. Tại sao An Tiêm bị đày ra hoang đảo?

- An Tiêm bị đày ra hoang đảo vì tính kiêu ngạo.

198. Hột dưa hấu do đâu mà có?

- Hột dưa hấu do con chim bay qua làm rớt.

199. Đặc điểm của trái dưa hấu thế nào?

- Trái dưa hấu có ruột màu đỏ, nhiều nước và ngọt.

200. An Tiêm nhờ ai đem dưa hấu về biểu Vua Cha?

- An Tiêm nhờ thuyền buôn đem dưa hấu về biểu Vua Cha.

201. Vì sao An Tiêm được Vua Cha cho về?

- An Tiêm được Vua Cha cho về vì biết An Tiêm có lòng hiếu thảo.

#### **d. Thánh Gióng – Phù Đổng Thiên Vương**

Vào đời Hùng Vương Thứ 6, ở làng Gióng, có hai vợ chồng già rất siêng năng làm việc và tính tình nhân hậu. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà vợ ra đồng thấy một dấu chân rất lớn. Bà liền đặt chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và sinh được một cậu bé khôi ngô. Nhưng lạ thay! Đứa bé tới ba tuổi mà vẫn chưa biết nói.

Vào lúc đó giặc Ân sang xâm chiếm nước ta, vua sai sứ giả đi tìm nhân tài để đánh đuổi giặc. Khi sứ giả đi ngang qua làng, đứa bé bỗng nói được và nhờ mẹ ra mời sứ giả vào. Đứa bé nói: “Người hãy về tâu với Nhà Vua đúc cho ta một con ngựa sắt, một cây kiếm sắt, một roi sắt và một chiếc nón sắt để Gióng đi dẹp giặc.”

Sứ giả về tâu lên vua. Vua liền ra lệnh làm mọi thứ Gióng muốn. Sau đó, Gióng vươn vai đứng dậy thành thân cao mười thước, rồi nhảy lên ngựa sắt phóng đi đánh giặc Ân.

Sau khi dẹp được giặc, Gióng một mình một ngựa bay thẳng lên trời. Hôm đó là ngày mồng chín Tháng Tư Âm Lịch.

Để tưởng nhớ vị anh hùng cứu nước, Vua Hùng phong Gióng là Phù Đổng Thiên Vương và sai lập đền thờ Gióng ở làng quê, được đổi tên thành làng Phù Đổng. Dân làng gọi Gióng là Thánh Gióng.

202. Thánh Gióng mấy tuổi mới biết nói?

- Thánh Gióng 3 tuổi mới biết nói.

203. Khi giặc Ân sang xâm chiếm nước ta, vua sai sứ giả đi tìm gì?

- Khi giặc Ân sang xâm chiếm nước ta, vua sai sứ giả đi tìm nhân tài để cứu nước.

204. Gióng xin nhà vua những vật gì để đi đánh giặc?

- Gióng xin nhà vua một con ngựa sắt, một cây kiếm sắt, một roi sắt và một chiếc nón sắt để đi đánh giặc.

205. Dẹp xong giặc Ân rồi thì Gióng đi đâu?

- Dẹp xong giặc Ân rồi thì Gióng bay thẳng lên trời.

#### **16. Địa lý Việt Nam**

Nước Việt Nam có hình cong chữ S, nằm về phía Đông Nam Á Châu.

Phía Bắc giáp Trung Hoa

Phía Tây giáp Ai Lao và Cam Bốt

Phía Đông giáp Thái Bình Dương (hay Biển Đông)

Phía Nam giáp Vịnh Thái Lan

Việt Nam có ba miền với những sắc thái văn hóa khác biệt: miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

Diện tích nước Việt Nam khoảng 310,000 cây số vuông (km<sup>2</sup>), tức khoảng 4/5 diện tích California.

Dân số Việt Nam gần 100 triệu người (theo số liệu dân số năm 2023).

Các thành phố lớn của Việt Nam:

Miền Bắc có Hà Nội và Hải Phòng. Hà Nội là thủ đô của Việt Nam.

Miền Trung có Huế, Đà Nẵng và Nha Trang.

Miền Nam có Sài Gòn, Biên Hòa và Cần Thơ. Sài Gòn là thành phố thương mại lớn nhất và đông dân nhất Việt Nam.

206. Nước Việt Nam nằm phía nào của Châu Á?

- Nước Việt Nam nằm về phía Đông Nam Châu Á.

207. Nước Việt Nam có hình chữ gì?

- Nước Việt Nam có hình chữ S.

208. Việt Nam giáp nước nào về phía Bắc?

- Việt Nam giáp Trung Hoa về phía Bắc.

209. Phía Nam của Việt Nam là gì?

- Phía Nam của Việt Nam là Vịnh Thái Lan.

210. Hà Nội là thành phố ở miền nào của Việt Nam?

- Hà Nội là thành phố ở miền bắc của Việt Nam.

211. Huế là thành phố ở miền nào của Việt Nam?

- Huế là thành phố ở miền trung của Việt Nam.

212. Sài Gòn là thành phố ở miền nào của Việt Nam?

- Sài Gòn là thành phố ở miền nam của Việt Nam.

213. Việt Nam giáp nước nào về phía Tây?

- Việt Nam giáp Ai Lao và Cam Bốt về phía Tây.

214. Hải Phòng là thành phố ở miền nào?

- Hải Phòng là thành phố ở Miền Bắc

215. Miền Nam có mấy thành phố lớn, kể ra?

- Miền Nam có 3 thành phố lớn: Sài Gòn, Biên Hòa và Cần Thơ.

216. Diện tích nước Việt Nam là bao nhiêu?

- Diện tích nước Việt Nam là 310,000 km<sup>2</sup>.

217. Dân số Việt Nam khoảng bao nhiêu?

- Dân số Việt Nam khoảng 100 triệu người.

218. Thủ đô của Việt Nam là thành phố nào?

- Thủ đô của Việt Nam là Thành Phố Hà Nội.

219. Thành phố thương mại lớn nhất Việt Nam là gì?

- Thành phố thương mại lớn nhất Việt Nam là Sài Gòn.

220. Phía Đông của Việt Nam là gì?

- Phía Đông của Việt Nam là Thái Bình Dương.

### **Ghi chú:**

1. Mỗi đề thi gồm 12 câu hỏi.

2. Đề thi vòng loại sẽ gồm những câu hỏi **trong** bài học thi này.

3. Đề thi từ vòng hai tới bán kết và chung kết sẽ có thêm những câu bị thay đổi cách đặt câu và gồm những câu dựa trên phần bài học nhưng chưa đặt câu hỏi sẵn. Xin thầy cô lưu ý dạy cho học sinh hiểu bài thay vì học thuộc lòng.

Thí dụ: Khi học về trái xoài thì nên cho các em biết hình dạng trái xoài, mùi vị, hạt, xơ như thế nào.

4. Mục đích của cuộc thi **Đố Vui Để Học** là tạo cơ hội cho học sinh học thêm những kiến thức tổng quát và tập luyện khả năng nghe và nói. Sự học hỏi qua hình thức ganh đua hy vọng sẽ tạo vui thú và hấp dẫn trong việc học Việt Ngữ. Ban tổ chức mong muốn các em học sinh sẽ học hỏi được nhiều điều mới lạ qua kỳ thi này.